

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/01/2022

V/v: “Ly hôn giữa chị Hàn Thị M và
anh Trần Mạnh Đ”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Láng;
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXX - ST ngày 13 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2021/QĐXX - ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hàn Thị M, sinh năm 1995;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn D, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đ có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2021, bản tự khai đề ngày 04/11/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Hàn Thị M trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Mạnh Đ kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 08/3/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Đ ở thôn G, xã H. Khoảng 03 năm sau thì vợ chồng ra ở riêng ở Thôn T, xã H. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ sống vô tâm, không quan tâm đến gia đình. Anh Đ còn là người ham chơi, hay rượu chè, chửi bới, thậm chí là đánh đập chị. Tết năm 2019, anh Đ đi giao du với bạn bè, không về nhà ăn Tết. Sau đó, khi anh Đ về còn vô cớ chửi bới, đánh đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Hàng xóm láng giềng sang can ngăn nhưng anh Đ vẫn đánh và đập vào người chị. Sự việc trên, bố mẹ anh Đ cũng biết. Vì thương các con, chị đã bỏ qua cho anh Đ, khuyên can anh Đ thay đổi nhưng anh Đ vẫn chứng nào tật nấy. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến cuối năm 2019, đầu năm 2020, chị M đã đưa con về nhà anh trai của chị sinh sống cho đến nay. Chị và anh Đ sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

1.2 Về quan hệ con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 02/01/2014. Hiện cháu Tr đang ở cùng chị và học tập tại trường THCS T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Tr, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân, thu nhập khoảng 4 - 4,5 triệu đồng/tháng. Chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Anh trai và chị dâu chị cũng hỗ trợ, giúp đỡ chị chăm sóc cho cháu.

1.3 Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị có xây dựng được 01 ngôi nhà cấp 4 ở Thôn T, xã H. Chị không yêu cầu chia tài sản chung này. Chị và anh Đ không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến khi Tòa án mở phiên tòa, anh Đ không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý

kiến của anh Đ đối với yêu cầu khởi kiện của chị M . Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất anh Đ cũng vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, anh Đ có mặt và trình bày quan điểm: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M có kết hôn với nhau do tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với bố mẹ đẻ của anh tại thôn G, xã H, sau đó bố mẹ anh mua 01 mảnh đất trên đó có 01 ngôi nhà cấp 4 tại địa chỉ Thôn T, xã H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình để cho vợ chồng anh chị ra ăn ở riêng. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn anh không nhớ rõ, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian anh Đ i làm xa nhà thì chị M có quan hệ với người đàn ông khác, nhưng thông tin này anh nghe từ những người đi làm với chị M nói chuyện lại, ai nói chuyện này với anh thì anh không nhớ và anh không có bằng chứng gì về việc chị M ngoại tình. Anh cũng thừa nhận vợ chồng anh chị có xảy ra cãi vã, bất đồng, và những lần cãi vã đó, trong lúc nóng giận anh có đánh, chửi và xúc phạm chị M , anh có đuổi mẹ con chị M ra khỏi nhà. Chị M và con chung đã về nhà anh trai và chị dâu chị M sinh sống, ly thân với anh từ khoảng cuối năm 2019 đầu năm 2020 đến nay. Anh và gia đình anh Đ ã nhiều lần đến tìm gọi chị M về nhưng chị M kiên quyết không về. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị M không còn nên anh Đ đồng ý ly hôn với chị M ai. Về con chung của anh chị, anh Đ trình bày như chị M đã trình bày tại Tòa án. Ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Anh hiện đang đi làm xây dựng ở tỉnh Quảng Ninh, thu nhập khoảng 10.000.000đồng (Mười triệu đồng)/tháng nhưng anh không giao nộp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho khả năng điều kiện nuôi con của anh. Nếu anh Đ ược nuôi con, anh sẽ giao con cho mẹ đẻ anh ở quê nuôi dưỡng để anh tiếp tục đi làm ở tỉnh Quảng Ninh. Về tài sản chung của anh và chị M ai, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung của anh chị không có. Lý do anh không đến Tòa án làm việc được là do anh Đ i làm xa, công việc của anh bận mải, dịch bệnh Covid phức tạp nên đi lại khó khăn. Các văn bản của Tòa án gửi về cho anh theo địa chỉ

mà chị M cung cấp cho Tòa án, anh và gia đình đã nhận được. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố lại một lần nữa các tài liệu này, anh nhất trí, không có ý kiến gì.

3. Tại biên bản lấy lời khai của người là chứng, bà Nguyễn Thị S (là mẹ đẻ của anh Đ) trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa chị M và anh Đ, bà S trình bày như chị M đã khai tại Tòa án. Sau khi kết hôn, đến cuối năm 2016 thì vợ chồng anh Đ ra ở riêng ở Thôn T, xã H. Theo thông tin bà nắm bắt được thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị M đi làm công nhân ở địa phương, anh Đ đi làm ăn ở Quảng Ninh nên ở nhà, chị M thường xuyên kiếm có, gây sự với anh Đ ức. Bà còn nghe được thông tin chị M có quan hệ ngoại tình với người khác. Còn sự thật cụ thể như thế nào thì bà không dám khẳng định vì bà không sống cùng nhà với chị M ai. Từ khoảng cuối năm 2019, chị M đã đưa con bỏ về gia đình đằng ngoại sinh sống. Gia đình bà đã tìm gọi, bảo ban, khuyên nhủ chị M nhưng chị M không quay về. Nay chị M vẫn một mực xin ly hôn anh Đ, bà không mong muốn vợ chồng ly tán. Nhưng chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Hiện cháu Tr đang sinh sống cùng chị M tại gia đình anh trai, chị dâu của chị M. Gia đình bà cũng có nguyện vọng cùng anh Đ nuôi dưỡng cháu Tr. Bà sẽ động viên anh Đ về Tòa án làm việc và trình bày nguyện vọng nuôi con. Về tài sản: Anh Đ và chị M không có tài sản chung. Ngôi nhà cấp 4 mà chị M khai tại Tòa án là do vợ chồng bà xây dựng. Anh Đ chị M không có khoản vay nợ chung. Về việc thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Đ, bà S trình bày: Hiện anh Đ làm nghề xây dựng ở Quảng Ninh thỉnh thoảng có đi về gia đình và thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Khi bà gọi điện thông báo cho anh Đ việc chị M khởi kiện xin ly hôn anh Đ, anh Đ có nói với bà nguyện vọng muốn đoàn tụ nhưng anh Đ bận đi làm, không về được. Các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho anh Đ ức, bà sẽ nhận thay và cam kết sẽ thông báo ngay cho anh Đ sau khi nhận được văn bản của Tòa án.

4. Tại biên bản làm việc tại Tòa án ngày 17/11/2021, cháu Tr đã trình bày

nguyện vọng: nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với mẹ.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, đại diện UBND xã và cơ sở thôn cung cấp như sau: Về quá trình kết hôn giữa chị M và anh Đ đúng như chị M trình bày. Sau khi vợ chồng ra ở riêng ở Thôn T, xã H thì hai bên có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau. Anh Đ thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên vợ chồng cũng ít có thời gian để quan tâm đến nhau. Hiện chị M không còn chung sống cùng anh Đ nữa. Nay chị M xin ly hôn anh Đ, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về quan hệ con chung: Đề nghị tòa án xem xét giao con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Địa phương không nắm được cụ thể về tài sản chung của vợ chồng chị M ai, anh Đ ước. Anh chị không có khoản nợ chung đối với tổ chức xã hội nào của địa phương. Ngoài ra địa phương còn cung cấp thêm: Anh Đ, chị M hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã H. Anh Đ lao động tự do ở Quảng Ninh, thỉnh thoảng anh Đ có đi về gia đình.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành một phần nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Hàn Thị M được ly hôn anh Trần Mạnh Đ.

+ Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Hàn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 02/01/2014. Chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Quan hệ tài sản: Do anh Đ, chị M không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị M và anh Đ có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

+ Án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Hàn Thị M có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Mạnh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn có mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Hàn Thị M và anh Trần Mạnh Đ đăng ký tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 08/3/2013 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng không có biện pháp giải quyết nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ khoảng cuối năm 2019 đến thời điểm vụ án được đưa ra xét xử, chị M và anh Đ sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh chị đã được gia đình hòa giải, phân tích, động viên nhưng không có kết quả, mâu thuẫn của anh chị vẫn không được giải quyết. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh Đ đã được triệu tập nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc, cũng không thể hiện quan điểm của anh Đ đối với yêu cầu của chị M. Điều này chứng tỏ anh Đ không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh Đ cũng đã trình bày rõ quan điểm: Anh Đ đồng ý ly hôn với chị M do tình cảm vợ chồng không còn. Qua xác minh tại UBND xã H và lấy lời khai của đại diện gia đình anh Đ cũng thể hiện: Giữa chị M

và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chỉ không tìm được biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn. Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị M và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị M được ly hôn anh Đ.

[2.2] Quan hệ con chung: Anh Đ và chị M có 01 con chung, ly hôn anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là nguyện vọng chính đáng. Hiện tại con chung của chị M và anh Đ đang được chị M trực tiếp nuôi dưỡng, có chỗ ở và được đi học ổn định tại xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Xét điều kiện của chị M có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở và đảm bảo cho cháu Tr được đi học. bản thân cháu Trang có nguyện vọng xin ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Anh Đ không giao nộp được tài liệu chứng cứ và không chứng minh được khả năng nuôi con của mình. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung cần căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con Trang. Chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Quan hệ tài sản: Do anh Đ ức, chị M không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị M và anh Đ có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hàn Thị M được ly hôn anh Trần Mạnh Đ.

2. Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Hàn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 02/01/2014. Không đặt ra giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị M, anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Chị M và anh Đ có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

4. Án phí: Chị Hàn Thị M phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị M đã nộp tại biên lai số 0000946 ngày 01/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Trần Mạnh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 13/01/2022. Chị Hàn Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thoan

